

Phong tục tập quán trong xây dựng nếp sống mới của các tộc người thiểu số ở huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang

Nguyễn Trường Giang*

Nhận ngày 25 tháng 10 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 12 năm 2024.

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích các phong tục tập quán đang tồn tại trong đời sống của một số tộc người thiểu số ở huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Thông qua phương pháp quan sát tham gia và phỏng vấn sâu chủ thể của nền văn hóa, nghiên cứu chỉ ra những tồn tại được coi là hạn chế trong nếp sống và nếp nghĩ của người dân khi tổ chức các nghi lễ quan trọng của vòng đời như tang ma, hôn nhân, nghi lễ tín ngưỡng và đời sống sinh hoạt hàng ngày. Với thái độ tôn trọng đa dạng văn hóa, bài viết chỉ ra một số nguyên nhân và thảo luận về cách thức giảm trừ những hạn chế của một số phong tục, tập quán này đối với việc xây dựng nếp sống mới của một số cộng đồng các dân tộc ít người tại huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang trong bối cảnh giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, văn hóa và phát triển bền vững, giữ gìn bản sắc văn hóa với xu hướng kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Phong tục tập quán, nếp sống, nếp nghĩ, xây dựng nếp sống mới.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Astract: The article focuses on analyzing the customs that practice recently within the communities of some ethnic minorities in Xín Mần district, Hà Giang province. Through the method of participant observation and in-depth interviews with cultural subjects, this research points out the existence of considered limitations in the lifestyle and thinking of local people when organizing important life-cycle ceremonies such as funerals, marriages, religious rituals and even everyday praxis. With an attitude of respect for cultural diversity, the article shows some imperfections of these habits while some ethnic minority communities build a new lifestyle in Xín Mần district, Hà Giang province. The findings also indicate ways to reduce these limitations in the context of the intersection between tradition and modernity, culture and sustainable development, preserving cultural identities in the trend of market economy, and international integration.

Keywords: Customs and practices, lifestyle, thinking, building a new lifestyle.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu

Văn hóa và đa dạng văn hóa đóng vai trò to lớn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của các cộng đồng tộc người. Sự biến đổi văn hóa ở vùng miền núi trong vài thập kỉ qua đã và đang diễn ra một cách nhanh chóng với nhiều nguyên nhân như xu hướng toàn cầu hóa, kinh tế thị trường, quá trình dịch chuyển - di dân của những cộng đồng người từ vùng đồng bằng lên miền núi và ngược lại. Những định kiến về dân tộc thiểu số đã có những tác động bất lợi đối với đời sống kinh tế - xã hội và văn hóa của người dân tộc thiểu số. Nếu những định kiến này không được phân tích một cách thấu đáo trong bối cảnh kinh tế - văn hóa - xã hội của mỗi một địa phương sẽ dẫn đến nhiều chính sách chưa hiệu quả, gây ra tác động không mong đợi cho các cộng đồng dân tộc thiểu số trong quá trình phát triển và duy trì bản sắc.

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: truonggiang@vnu.edu.vn

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau về văn hóa tộc người, trong đó nhân học văn hóa có thể coi là cách tiếp cận mang tính tổng thể và sâu sắc. Theo lý thuyết nhân học diễn giải (Clifford Geertz và Marcus, 1986), văn hóa bao hàm không chỉ hành vi, thực hành, mà còn cả các ý tưởng/tư tưởng liên quan đến các thực hành sau này. Các lý thuyết nghiên cứu về biến đổi văn hóa trong nhân học cũng được phát triển từ rất sớm, đại diện cho xu hướng lý thuyết nghiên cứu biến đổi văn hóa có thể kể đến quan điểm Tiến hóa luận (*evolutionism*) từ thế kỉ XVIII-XIX còn ảnh hưởng cho đến ngày nay và quan điểm Tương đối văn hóa (*cultural relativism*) hình thành và phổ biến từ thế kỉ XX. Tiến hóa luận đơn tuyến trong nghiên cứu văn hóa đã đưa ra các khái niệm “cao - thấp”, “tiền bộ - lạc hậu”, “phi lý - duy lý” trở thành cơ sở khoa học cho các hoạt động chính trị, xã hội, khoa học ở nhiều quốc gia trên thế giới. Đối với các tộc người thiểu số ở vùng cao Việt Nam, văn hóa có thể coi là động lực nhưng cũng có thể tạo ra những khó khăn trong quá trình phát triển, hội nhập của nhiều cộng đồng, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Bài viết này quan tâm đến một số thực hành văn hóa trong phong tục tập quán của một số cộng đồng thiểu số ở huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang với thái độ tôn trọng sự đa dạng văn hóa, tôn trọng chủ thể văn hóa nhưng cũng thảo luận một số tồn tại của phong tục tập quán có thể ảnh hưởng đến việc xây dựng nếp sống mới trong phát triển bền vững của mỗi cộng đồng.

Một số nghiên cứu trong lĩnh vực Dân tộc học, Sử học trước Cách mạng Tháng Tám của nhiều học giả nổi tiếng bàn về các tồn tại, hạn chế trong phong tục gây ra các cản trở cho người dân Việt Nam (chủ yếu là tộc người Việt) trong tiến trình hướng đến đời sống văn minh hiện đại. Nguyễn Văn Huyền trong chuyên khảo “Vấn đề nông dân Việt Nam ở Bắc Kỳ”, từ năm 1939, mô tả các tệ nạn như đánh bạc (gồm cả nam nữ, già trẻ) với các hình thức cá cược, chơi xóc đĩa. Mê tín dị đoan khi đau ốm cũng không dùng đến thuốc mà đi cầu cúng, uống tàn tro của những lá bùa. Dị đoan thể hiện qua các lễ hầu đồng tốn kém, lãng phí tiền bạc vào hội hè và cờ bạc. Tổ chức hội hè kéo dài đến 10-15 ngày (Nguyễn Văn Huyền, 1996: 32-42).

Pierre Gourou, nhà nghiên cứu Sử học về làng xã Việt Nam cũng chỉ ra ở người Việt, “những hội hè của nhóm hay của hội nhiều vô kể, vì không nhóm nào hay hội nào mà không có những lễ hội riêng, kèm theo cỗ bàn ăn uống như hội của giáp, của thôn, của tư văn...”, lễ tết gia đình được biểu hiện qua “các đám ma, đám cưới, kỵ giỗ, là dịp để hội họp ăn uống. Nói chung, người nông dân tìm thấy trong đời sống làng mạc những lý do quan trọng vì lợi ích của mình; tham vọng, thủ đoạn, sở thích quyền lực, tình cảm tôn giáo, cả thói tham ăn tục uống đều có thể thỏa mãn; nhờ cuộc sống sôi động và có tổ chức chặt chẽ, người nông dân không phải là một kẻ nông nô khốn khổ và bị đói khát” (Gourou, 2015: 302).

Nguyễn Thị Lệ Hà (2016), trong một nghiên cứu đã phân tích một số thay đổi về phong tục tập quán ở làng xã Đồng bằng Bắc Bộ dưới tác động của chính sách cải lương hương chính thời kỳ Pháp thuộc (khoảng 1920-1945) trong cưới hỏi, tang ma, khao vọng, khao lão, mua bán danh vị. Sự thay đổi đó là tích cực vì đã cắt giảm các khoản chi lãng phí, đặc biệt về ăn uống. Tuy nhiên, mục đích của chính sách cải lương hương chính của chính quyền Pháp không phải chỉ là để xóa bỏ các tập quán lạc hậu mà còn là để chi phối và can thiệp đời sống của người dân.

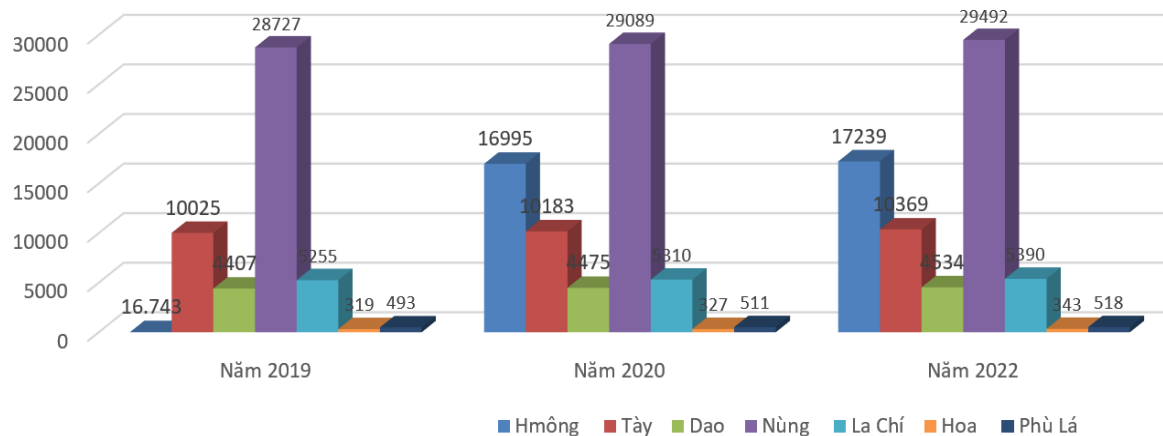
2. Địa bàn nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Địa bàn nghiên cứu.

Huyện Xín Mần nằm ở phía Tây tỉnh Hà Giang với tổng diện tích tự nhiên là 586,5 km²,

huyện có 18 đơn vị hành chính, gồm 01 thị trấn và 17 xã. Toàn huyện có 16 dân tộc với tổng dân số trên 70.700 người, trong đó dân tộc Nùng chiếm 41,7%, dân tộc Hmông 24,4%, dân tộc Tày 14,6%; dân tộc La Chí 7,6%; dân tộc Dao 6,4%, các dân tộc khác 5,3% (Đảng bộ huyện Xín Mần, 2022: 12).

Biểu 1. Dân tộc thiểu số có qui mô dân số lớn nhất trong huyện (số khẩu)



Nguồn: Niên giám thống kê huyện Xín Mần, 2021: 24

2.2. Phương pháp nghiên cứu.

Nghiên cứu này được áp dụng kỹ thuật quan sát tham gia và phỏng vấn sâu một số người dân sinh sống tại địa bàn, đó chính là những người dân đang thực hành các phong tục tập quán trong đời sống hằng ngày. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn phỏng vấn đại diện lãnh đạo Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các ngành đoàn thể của xã, Bí thư chi bộ, trưởng thôn bản, các nghệ nhân dân gian, thầy mo, thầy cúng, đại diện các dòng họ và người am hiểu về thực hành văn hóa của cộng đồng địa phương. Việc lựa chọn nhiều thành phần tham gia để cho tiếng nói của các thành viên có phần đa dạng.

Số liệu trong nghiên cứu còn kế thừa kết quả nghiên cứu, khảo sát của Ban chỉ đạo 880 (Ban chỉ đạo xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu - Huyện ủy Xín Mần) trong năm 2022, đã tiến hành nghiên cứu thực địa, khảo sát 7 tộc người thiểu số có qui mô dân số lớn trong tổng thể dân số của toàn huyện Xín Mần. Cụ thể là các tộc người Nùng, Hoa, Hmông, Tày, La Chí, Phù Lá. Thời gian thực hiện khảo sát từ ngày 1 tháng 4 năm 2022 đến ngày 20 tháng 5 năm 2022. Số lượng mẫu khảo sát là 874 phiếu (trong đó dân tộc Nùng là 350 phiếu, Hmông: 200 phiếu, Tày: 100 phiếu, Dao: 55 phiếu, La Chí: 100 phiếu, Phù Lá: 50 phiếu, Hoa: 19 phiếu).

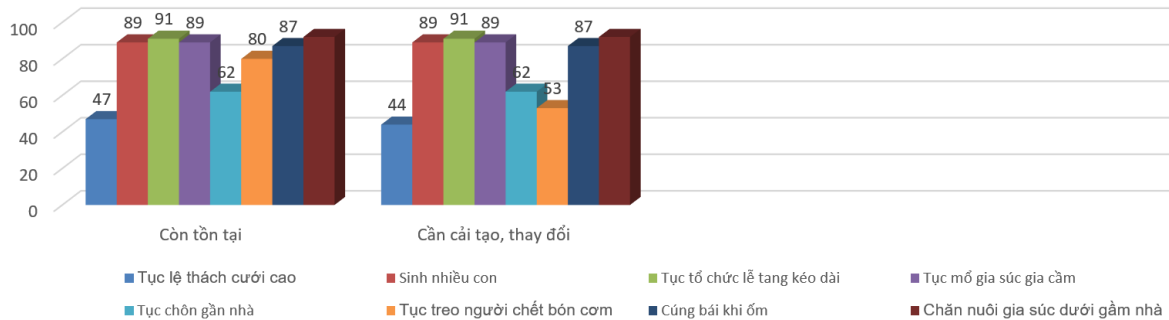
3. Những phát hiện chính

Một số vấn đề tồn tại trong nếp sống, nếp nghĩ của các tộc người thiểu số ở huyện Xín Mần có thể nhóm thành các chủ đề như sau:

Thông qua việc khảo sát 874 phiếu với 7 tộc người như đã nêu trên và khảo sát nhanh một số vấn đề liên quan cho kết quả khảo sát được thể hiện qua Biểu 2 như sau:

Biểu 2: Một số tồn tại trong thực hành văn hóa và nhu cầu cải tạo, thay đổi

Tỷ lệ đơn vị: 100%



Nguồn: Số liệu điều tra khảo sát thực tế trên 874 phiếu với 7 dân tộc (Ban chỉ đạo xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu - Huyện ủy Xín Mần), tháng 5 năm 2022.

3.1. Trong tang ma

Tổ chức lễ tang kéo dài nhiều ngày: Lễ tang gồm nhiều nghi thức mà người sống thực hiện để tiễn đưa người chết, là một trong những phong tục gắn liền với đời sống văn hóa tâm linh của nhiều tộc người. Mỗi một tộc người có cách thức tiến hành tang ma khác nhau. Nguyên nhân của tục tổ chức lễ tang kéo dài nhiều ngày do người dân tin tưởng vào thầy cúng, thầy bói và quyết định theo lời của họ. Việc duy trì thời gian tổ chức lễ tang kéo dài nhiều ngày được lặp đi lặp lại qua nhiều đời đã trở thành tập quán. Khảo sát tại Xín Mần, cho thấy người Nùng thường kéo dài đám tang trong 3 ngày, chi phí trung bình đến 70 triệu đồng. Gia chủ phải chuẩn bị 01 con trâu hoặc 01 bò tùy theo điều kiện kinh tế của từng gia đình, làm nhà giấy hai tầng. Người Hmông tổ chức tang lễ kéo dài từ 3 đến 4 ngày do tập quán chọn ngày giờ tốt để chôn. Đối với người Tày, tồn tại tập quán để người chết trong nhà lâu ngày, hãn hữu có những trường hợp người mất vào ngày 28 tháng Chạp để hết ngày 5 tháng Giêng (âm lịch) mới tổ chức đám tang, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Người Dao, cũng tương tự, để người chết trong nhà quá lâu, do quan niệm đợi ngày tốt, giờ tốt mới tổ chức đám ma và đưa đi chôn.

Tục mổ nhiều gia súc, gia cầm trong tổ chức tang lễ: Tục mổ gia súc, gia cầm với quan niệm để làm vật cúng tế người đã chết, để sang thế giới bên kia họ có vật nuôi, có vốn làm ăn, không khó khăn, thiếu thốn, mà quay về đời của cải của người sống, đồng thời cũng là việc báo hiếu của con cháu đối với người đã chết, cầu mong sự phù trợ của gia đình, dòng tộc. Tục phúng viếng và sử dụng nhiều gia súc, gia cầm trong cúng bái đã dẫn đến tình trạng nợ sau tang ma. Người Nùng trong đám tang thường giết mổ một con trâu hoặc bò, một con dê, nhiều con lợn, 12-14 con gà, vịt. Chi phí đến 60-70 triệu đồng cho một đám. Người Hmông có tập tục lâu đời trong tang lễ là mỗi người con trai sẽ báo hiếu bố mẹ bằng cách phải giết mổ 1 con trâu cho người chết mang về thế giới bên kia. Mỗi gia đình chi phí cho đám ma của người thân từ 20-40 triệu đồng, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, dẫn đến nghèo đói sau tang ma. Người Tày, ước tính số gia cầm, gia súc giết mổ trong đám ma cũng lên tới 60-70 triệu đồng. Người Dao cũng tương tự, mổ nhiều gia súc, gia cầm trong đám tang chi phí đến 60 triệu đồng.

Tục chôn người chết gần nhà, chôn nông: Trong một số tộc người thiểu số ở huyện Xín Mần còn tồn tại tục chôn cất người chết ở phần đất của gia đình, thậm chí ở trong vườn ngay gần với nhà ở. Do quan niệm mong muốn người đã chết được gần gũi với người thân, dễ dàng chăm sóc mộ phần. Mặt khác khi tổ chức lễ tang, thầy cúng là người chọn địa điểm, vị

trí mộ hợp phong thủy trong phần đất của gia đình để không ảnh hưởng đến con cháu. Nhiều tộc người đào huyệt mộ để chôn người chết rất nông, xấp xỉ 1m gây ô nhiễm môi trường, do địa hình vùng núi một số nơi có nhiều đá không thể đào hố sâu để chôn. Tập tục này tồn tại ở các tộc người Nùng, tộc người La Chí, tộc người Phù Lá.

Tục treo người bôn cơm của dân tộc Hmông: Theo quan niệm của một số dòng họ người Hmông, khi người thân qua đời nếu đưa ngay vào quan tài là trái với tục lệ. Làm như vậy sau khi chôn cất, linh hồn người chết sẽ không được “siêu thoát”, kéo theo nhiều người chết sau đó và gây ra bệnh tật, ốm đau, làm ăn lụi bại cho những người đang sống. Với niềm tin như vậy, nhiều gia đình không đưa xác vào quan tài ngay mà để vào cáng, hoặc để trên một tấm ván treo lên vách giữa gian nhà. Người chết được người thân trong gia đình bôn cơm khi đến bữa ăn. Với quan niệm nuôi ăn như người còn đang sống, gia đình ăn bao nhiêu bữa, người chết cũng như vậy. Thầy cúng là người quyết định ngày/giờ đưa người chết đi chôn, trung bình thời gian treo người chết trong nhà từ 02 đến 03 ngày. Tục treo xác người chết trong nhà của người Hmông là một hủ tục lạc hậu, gây mất vệ sinh môi trường, tiềm ẩn nguy cơ lây lan bệnh truyền nhiễm cho cộng đồng. Hiện nay hủ tục này vẫn còn tồn tại chủ yếu ở các dòng họ Giàng, Thào, Sùng của dân tộc Hmông tại xã Pả Vầy Sủ, Trung Thịnh.

3.2. Trong hôn nhân

Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống: Tục tảo hôn, hay còn gọi là kết hôn ở trẻ em, hôn nhân chưa đủ tuổi. Do quan niệm kết hôn sớm để có người lao động, bên cạnh đó, do điều kiện kinh tế của nhiều hộ gia đình còn khó khăn nên vẫn xảy ra tình trạng bỏ học, hoặc do học xong không tìm được việc làm phù hợp; tác động của mạng xã hội khiến nhiều trẻ vị thành niên suy nghĩ cởi mở, bỏ qua những quan niệm về đạo đức truyền thống dẫn đến tình trạng tảo hôn sớm. Bất bình đẳng giới là căn nguyên sâu xa của tình trạng tảo hôn. Khó khăn về kinh tế là một yếu tố quan trọng dẫn đến sự tồn tại dai dẳng của tảo hôn. Internet, mạng xã hội, điện thoại di động phát triển tạo điều kiện cho trẻ em làm quen và có những mối quan hệ yêu đương tự do cũng có thể xem là nguyên nhân của tảo hôn. Tục kéo vợ của người Hmông dù không phổ biến như trước song hiện nay vẫn còn tồn tại. Người Dao và người Nùng có tục hôn nhân sắp đặt (hôn ước). Trong đó, người Dao coi trọng việc hợp tuổi, trước khi kết hôn, cha mẹ sẽ đi xem bói cho đôi trẻ có hợp tuổi nhau hay không. Tộc người này tin rằng, nếu vợ chồng hợp tuổi nhau sẽ làm ăn khấm khá và hạnh phúc. Đối với hôn nhân sắp đặt của người Nùng, nhiều trẻ em được bố mẹ và họ hàng sắp xếp hôn nhân từ lúc còn rất nhỏ (10 tuổi) trở lên. Sau khi đồng ý hôn ước, hai gia đình sẽ giúp nhau việc đồng áng, ăn uống, liên hoan và thăm hỏi nhau trong dịp lễ tết coi nhau như thông gia.

Cùng với đó, vấn đề hôn nhân cận huyết do một bộ phận dân tộc thiếu số quan niệm kết hôn trong dòng họ để giữ tài sản không phải phân chia cho người ngoài, “không sợ mất con, mất của”. Tập tục này để lại hệ lụy vô cùng nặng nề, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng dân số, suy giảm giống nòi và chất lượng nguồn nhân lực, là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng đói nghèo. Tập tục này tồn tại ở các tộc người Hmông với hôn nhân cận huyết chủ yếu là con cô lấy con cậu, con chị lấy con dì. Ở người Dao, tình trạng hôn nhân cận huyết này diễn ra trong dòng họ hoặc anh chị em họ.

Tục thách cưới cao, tục này cũng có thể coi là gả bán, hay giá của cô dâu (bride price). Dưới góc độ nhân học, Peter F. Beyer (1990), Mohd Uma (1998), Kalpana Khanal, Ruchira Sen (2020), Gaurav Chiplunkar, Jeffrey Weaver (2023) cho rằng giá cô dâu được coi là biểu tượng cho địa vị, sự giàu có và quyền lực của người phụ nữ trong một xã hội cụ thể. Truyền thống về giá cô dâu hay sự giàu có của cô dâu thường được thể hiện qua việc nhà trai tặng một số tiền hoặc những vật dụng có giá trị khác cho nhà gái. Đổi lại, cô dâu và con

cháu sinh ra sau này đều chịu sự quản lý của nhà trai. Thực hành này thường được coi là một phương tiện chuyển giao của cải và nguồn lực giữa các gia đình. Tuy nhiên, cách làm này cũng bị chỉ trích vì coi phụ nữ như đối tượng để buôn bán và có khả năng kéo dài tình trạng bất bình đẳng giới. Tại huyện Xín Mần, tục thách cưới cao đã có từ lâu đời và được xem là tục lệ truyền thống có tính ràng buộc của tổ tiên, tục thách cưới tồn tại và được truyền từ đời này sang đời khác.

Tuy nhiên, trong xã hội ngày nay tục thách cưới đã có nhiều biến tướng mang tính chất gả bán, mua dâm. Ở khía cạnh kinh tế, do thiếu lao động nên nhà trai phải lấy con dâu về để gia đình có thêm nguồn nhân lực. Vì vậy, nhà trai phải đáp ứng đủ lễ vật cưới, nhà gái mới chấp nhận gả con. Nhiều trường hợp gia đình nghèo, không có điều kiện kinh tế phải đi vay mượn bên ngoài. Tục thách cưới cao cùng với quan niệm gả bán con gái do sự định đoạt của cha mẹ hai bên, không coi trọng quyền tự do hôn nhân của đôi trai gái. Cụ thể đối với người Nùng, việc thách cưới thường được quy ra vật ngang giá cao là bạc: vòng đeo tay 2 cái, dây chuyền bạc đeo cổ 2 cái, trâm cài tóc một cái, khuy cài áo 12 cái... tổng trị giá khoảng 6 triệu đồng. Các lễ vật kèm theo gồm: 01 con trâu, bò hoặc nghé, 60kg thịt lợn, 50kg gạo nếp, 50kg gạo tẻ, 01 gói bánh dày, 50 lít rượu... trị giá 60 triệu đồng. Với người Hmông ở các xã Chí Cà, Pà Vây Sủ, Nàn Sín, Xín Mần tục thách cưới còn nặng nề hơn, bao gồm cả trâu, bò, lợn, rượu, có trường hợp qui ra tiền từ 100-120 triệu đồng. Hệ quả của tình trạng này là nhà trai phải vay nợ, dẫn đến đói nghèo và ảnh hưởng đến hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ.

Tổ chức lễ cưới dài ngày: Ở mỗi dân tộc có đặc trưng về cách thức tổ chức, các nghi lễ khác nhau, nhưng tựu trung lại các dân tộc có quan niệm lễ cưới là sự kiện quan trọng trong mỗi đời người. Để chính thức trở thành vợ chồng, đôi nam nữ sẽ trải qua rất nhiều nghi lễ, được gia đình dòng họ và cộng đồng chứng kiến chúc phúc. Tuy nhiên, thực trạng tổ chức lễ cưới dài ngày hiện nay vẫn còn tồn tại gây lãng phí, tốn kém và ô nhiễm môi trường. Người Tày ở một số xã tại huyện Xín Mần còn tổ chức đám cưới kéo dài từ 2-3 ngày, mỗi ngày giết thịt 02 con lợn khoảng 100kg, gà, bánh, rượu... với tổng giá trị 50-60 triệu đồng. Người Dao cũng tổ chức lễ cưới dài ngày, có đám kéo dài đến 3 ngày bao gồm lợn từ 3-5 con, gà vịt từ 15-20 con, rượu, gạo và bánh... có những đám tốn kém đến 60 triệu đồng.

3.3. Trong lễ hội và nghi lễ, lối sống sinh hoạt hàng ngày

Trong đời sống sinh hoạt: Hành vi uống nhiều rượu trong sinh hoạt hàng ngày phổ biến ở hầu hết các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Thói quen này gắn với sinh hoạt cộng đồng, đặc biệt trong các dịp lễ hội, ăn sâu vào tiềm thức của người dân. Tập tục uống rượu trong sinh hoạt hàng ngày gây nên những tác động tiêu cực đến sức khỏe, ảnh hưởng không tốt đến năng suất lao động, gây mất ổn định trật tự an toàn xã hội (xảy ra nhiều tai nạn giao thông, nạn tự tử, giết người hoặc bạo lực gia đình). Điển hình như trường hợp Giàng Seo Ph, Giàng Seo S, Giàng Seo T đã đánh và đâm chết anh Giàng S S do anh S uống ít rượu hơn nhóm; hay Lù Văn M, thôn Na Ri, xã Tả Nhìu uống rượu đánh người cố ý gây thương tích dẫn đến tử vong cho bạn nhậu vào ngày 2/9/2023.

Các nhà nhân học và tâm lý học đã chỉ ra *mê tín* là một hiện tượng mà con người tin vào những điều không có cơ sở khoa học. Mê tín xuất hiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau, như tôn giáo, kinh tế, chính trị, y tế và sức khỏe. Nguyên nhân của mê tín có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh và chủ đề được xem xét Keith Thomas (1975), Joan Lucariello (1995), Skinner, B. F. (1992), D.Proctor (2005), Susan Greenwood (2020). Trong một số trường hợp, mê tín liên quan đến việc con người tìm kiếm giải pháp cho những khó khăn hoặc nỗi sợ hãi đang gặp phải. Bên cạnh đó, mê tín cũng là kết quả của việc con người muốn tin vào một thứ gì đó, dù họ không có đủ kiến thức hoặc thông tin để quyết định.

Các niềm tin chưa có cơ sở khoa học còn tồn tại trong hầu hết các dân tộc khi tham chiếu vào tình hình cụ thể của huyện Xín Mần, vốn là một huyện miền núi với đặc thù vùng sâu, vùng xa, đời sống của người dân còn khó khăn, trình độ dân trí còn chưa tiếp cận được với mặt bằng chung của xã hội. Nhiều người dân vẫn tin vào chuyện ma quỷ, thần thánh dẫn đến những hệ lụy như: lãng phí, thiệt hại về kinh tế do chi trả quá nhiều cho cúng bái, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định trật tự an toàn xã hội. Với tâm lý cộng đồng xưa nay vẫn làm vậy dẫn đến người dân nảy sinh ra tư tưởng phải làm theo để yên tâm, không dám từ bỏ việc cúng bái. Tình trạng cúng bái khi ốm đau hiện vẫn còn diễn ra hầu khắp các dân tộc trên địa bàn huyện, với quan niệm bị bệnh là do “con ma” làm, nên khi có người ốm đau, tình trạng bệnh kéo dài, gia đình sẽ chuẩn bị lễ vật để cúng trừ “con ma” ra khỏi cơ thể của người bệnh. Việc tổ chức cúng bái khi ốm đau gây lãng phí ô nhiễm môi trường thậm chí dẫn đến hệ lụy thương tâm khi có người bệnh đã tử vong do không được chữa trị kịp thời.

Thói quen không làm và sử dụng nhà vệ sinh: Tuy đã giảm nhưng vẫn còn tồn tại trong đời sống hoạt động của các dân tộc. Việc đi vệ sinh bừa bãi gây ô nhiễm môi trường nguồn nước, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Nguyên nhân do điều kiện kinh tế khó khăn, một số hộ gia đình nghèo không có điều kiện xây nhà vệ sinh. Tuy nhiên có tình trạng ngay cả khi đã được Nhà nước hỗ trợ xây nhà vệ sinh nhưng người dân không sử dụng, do thói quen đã ăn sâu vào nếp sinh hoạt hàng ngày.

3.4. Trong sản xuất canh tác

Thả rông gia súc, nuôi nhốt gia súc dưới sàn nhà. Ở một số xã của huyện Xín Mần, việc thả rông gia súc, gia cầm và nuôi nhốt dưới gầm sàn là khá phổ biến. Hình thức “thả rông” có nghĩa là các động vật tự do di chuyển, không bị giam giữ bởi các chốt rào hay nuôi nhốt trong chuồng trại. Sự gia tăng số lượng gia súc, gia cầm thả rông đã gây ra nhiều tác động tiêu cực đến môi trường, như ô nhiễm đất, nước và không khí, dẫn đến sự suy giảm của nhiều loài động vật hoang dã và cây cỏ. Do đó, việc thả rông gia súc, gia cầm gây ra các vấn đề về môi trường và đa dạng sinh học ở khu vực này. Mặt khác, tập quán chăn nuôi thả rông gây khó khăn cho công tác tiêm phòng vắc-xin cho đàn gia súc dẫn đến tỷ lệ tiêm phòng đạt thấp, dịch bệnh thường xuyên xảy ra gây thiệt hại về kinh tế cho người chăn nuôi.

Chăn nuôi dưới gầm sàn nhà được xem là một hình thức chăn nuôi truyền thống của người dân ở một số xã ở huyện Xín Mần. Theo hình thức này, sàn nhà được sử dụng như là nơi nuôi nhốt các con vật như lợn, gà và các loại gia súc khác. Phổ biến là người Tày, người Nùng, người Giáy. Việc nuôi nhốt các con vật dưới gầm sàn nhà có thể tạo ra nhiều rủi ro về vệ sinh, như bẩn và mùi hôi, cũng như làm tăng nguy cơ các bệnh hô hấp do không khí ô nhiễm không lưu thoát. Do đó, việc chăn nuôi dưới gầm sàn nhà được coi là một tập quán không tốt về mặt vệ sinh và y tế. Bên cạnh nguyên nhân do một số hộ gia đình không có điều kiện (về không gian và kinh phí) để xây dựng chuồng trại thì chủ yếu vẫn còn rất nhiều hộ gia đình do thói quen tập quán khó bỏ dẫn đến nhiều hệ lụy như: gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, dễ phát sinh dịch bệnh trên vật nuôi và khi phát sinh dịch bệnh thì tốc độ lây lan nhanh.

Tập quán canh tác chủ yếu tự cung tự cấp, phụ thuộc vào tự nhiên. Tập quán canh tác tự cung tự cấp của người dân các xã ở huyện Xín Mần, thường dựa vào sản phẩm của chính mình, có thể là từ các loại rau quả và các loại vật nuôi như lợn, gà và các loại gia súc khác. Việc tự cung, tự cấp có thể giúp cho người dân tạo ra thức ăn cho chính mình và cho gia đình, giúp họ giảm bớt chi phí mua thực phẩm, đồng thời giúp cho họ học được các kỹ năng canh tác và bảo vệ môi trường tự nhiên của mình.

Tuy nhiên, tập quán này cũng khiến người dân gặp phải một số bất lợi. Đầu tiên, việc tự

cung tự cấp có thể dẫn đến việc sản xuất với sản lượng thấp và nguồn lương thực, thực phẩm không đủ để đáp ứng nhu cầu của gia đình, đặc biệt trong những thời kỳ giáp hạt, khi gặp hiện tượng biến đổi khí hậu hoặc xảy ra thiên tai. Thứ hai, việc tự cung tự cấp có thể làm suy giảm các loại cây bản địa, cây dược liệu và động vật hoang dã do bị khai thác quá mức. Cuối cùng, việc tự cung tự cấp có thể làm cho người dân có sự phụ thuộc quá lớn nguồn lương thực, thực phẩm vào tự nhiên và làm giảm sự kết nối với các thị trường và các cộng đồng bên ngoài.

4. Nguyên nhân tồn tại

4.1. Nguyên nhân khách quan

Do đời sống của các tộc người thiểu số ở huyện Xín Mần còn khó khăn, nguồn tài chính ở các hộ gia đình còn hạn hẹp, không đủ khả năng để thay đổi tập tục vốn đã trở nên cố hữu tại đây. Do đặc thù của huyện Xín Mần là vùng cao, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt địa hình chia cắt phức tạp, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, giao thông đi lại khó khăn, điều kiện tiếp cận thông tin về các vấn đề văn hóa, xã hội và pháp luật của người dân còn hạn chế, các biện pháp can thiệp xử lý vi phạm chưa đủ mạnh, chưa đủ sức răn đe.

4.2. Nguyên nhân chủ quan

Tuyệt đại đa số người dân đều tin theo các thực hành truyền thống được truyền thừa từ đời này sang đời khác có tính chất cố định, rất khó thay đổi. Người dân có niềm tin và sự tôn trọng văn hóa dân tộc, cho rằng tập tục đó là đúng đắn, được ông bà để lại. Điều này cũng xuất phát từ sự thiếu thông tin và các kiến thức khoa học một cách đầy đủ. Người dân có thể nhận thấy tác hại trước mắt cũng như lâu dài của những tồn tại hạn chế trong nếp sống nếp nghĩ của cộng đồng mình và nảy sinh sự nghi ngờ, đặt ra những câu hỏi cần kiểm chứng. Nhưng phần lớn người dân còn ngại thay đổi, sợ những phản ứng của mình sẽ không phù hợp với môi trường và tập tục truyền thống, đặc biệt là gánh nặng tâm linh của tổ tiên để lại.

Một nguyên nhân khác đến từ xã hội đó là việc người dân thiếu vốn, ít kinh nghiệm, tư duy canh tác chậm ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất là thực trạng trong đời sống nông nghiệp của đa số người dân ở các tộc người thiểu số trên địa bàn huyện. Trong chăn nuôi, hình thức chăn nuôi manh mún, mục đích nuôi gia súc chủ yếu để dành cho các ngày lễ hội, ngày tết, các dịp đám ma, đám cưới hoặc làm vật cúng bái. Người dân chưa có ý thức chăn nuôi với quy mô đàn lớn, áp dụng các tiến bộ khoa học trong chăm sóc và sinh đẻ của gia súc gia cầm để tạo ra đàn lớn, biến thành sản phẩm hàng hóa để thoát nghèo làm giàu. Trong trồng trọt, tâm lý duy trì tập quán truyền thống, nhiều khâu canh tác còn thiếu thông tin về khoa học công nghệ, thói quen ngại tiếp thu, ngại thay đổi, trong thôn bản không có tính cạnh tranh vươn lên làm giàu.

Tuy nhiên, vẫn có một số nguyên nhân khác có thể tác động lên việc giữ các thực hành văn hóa này bao gồm: chế độ chính trị và thể chế. Các yếu tố này có thể góp phần dẫn đến việc duy trì và giữ gìn các tập tục truyền thống của người dân vùng miền núi, đặc biệt là đối với các tập tục liên quan đến văn hóa, tôn giáo truyền thống. Sự thiếu đầu tư vào giáo dục và việc thiếu cơ hội tiếp xúc với các kiến thức hiện đại phần nào ảnh hưởng đến khả năng duy trì và giữ gìn các tập tục truyền thống. Những suy nghĩ và cách nhìn nhận của xã hội về các tập tục truyền thống của người dân sinh sống tại các khu vực miền núi là lạc hậu và không thích ứng với thời đại mới, vô hình trung đã làm cho người dân thiểu số bị định kiến và tự định kiến. Sự thiếu hụt các chính sách hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức xã hội có thể cản trở việc duy trì và phát huy các tập tục truyền thống tốt đẹp của người dân vùng

miền núi mà các truyền thống này sẽ là các xung lực triệt tiêu các hạn chế và tồn tại của những thực hành văn hóa không có lợi trong tiến trình phát triển.

Việc quản lý, điều chỉnh các chuẩn mực ứng xử, nếp sống văn hóa trong đời sống của cộng đồng dân tộc thiểu số chủ yếu là sử dụng các điều khoản trong quy ước, hương ước của thôn bản. Trên thực tế vẫn còn những nội dung về cải tạo, cải tiến, giảm trừ các yếu tố hạn chế trong một số thực hành văn hóa của nhiều tộc người chưa được quy định cụ thể trong quy ước, hương ước của thôn bản.

5. Thảo luận về phong tục, tập quán của người dân trong xây dựng đời sống văn hóa

5.1. Một số phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc cần được bảo tồn và phát huy

Một trong những biện pháp nhằm giảm trừ các tồn tại trong nếp sống, nếp nghĩ của người dân chính là bảo tồn, phát huy các nét đẹp truyền thống vốn có của các cộng đồng dân tộc tại chỗ ở huyện Xín Mần. Với tinh thần “gạn đục khơi trong”, nêu cao ý thức tự tôn văn hóa, tự tin, tự chủ, tự hào về các di sản, vốn văn hóa quý báu của người dân. Các nét đẹp truyền thống của cộng đồng được thể hiện cụ thể qua các sắc thái văn hóa như sau: Người Nùng có tục thờ cúng tổ tiên, có nhiều nghi lễ thể hiện tính cố kết của cộng đồng vào dịp lễ, tết, lễ cầu mùa để ghi nhớ về cội nguồn, công lao của ông bà tổ tiên, đây là một trong những nét đặc trưng cần được bảo tồn. Trong gia đình, cộng đồng có đám cưới, đám hỏi, lễ đưa địu, cúng cơm mới, lễ cúng rừng. Các nghề thủ công truyền thống như: dệt vải, nghề thêu, nghề chạm bạc trang sức. Văn hóa của người Hmông rất phong phú, với các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp từ bao đời nay cần giữ gìn và phát huy được thể hiện qua trang phục, kiến trúc nhà ở, tính cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất, những lễ hội, trò chơi dân gian, những làn điệu dân ca, múa khèn, múa gậy, thổi sáo, khèn lá, chế tác nhạc cụ truyền thống. Người Tày có nhiều làn điệu dân ca như hát cọi, hát then, múa bát. Người Dao có trang phục truyền thống nam và nữ, chữ viết Nôm Dao, các lễ hội đặc trưng. Người La Chí có trang phục truyền thống, các trò chơi dân gian, nét đẹp trong quá trình lao động cần cù, sáng tạo của cộng đồng, và các nghi lễ đặc sắc lễ tết Khu Cù Tê, cúng tổ tiên, cúng làng. Người Phù Lá có tục thờ cúng ông bà tổ tiên, văn nghệ dân gian có hát đối, hát cọi, hát giao duyên, các làn điệu dân vũ, trang phục dân tộc ngày lễ tết, đám cưới, đón khách, các trò chơi dân gian, tri thức trong trồng bông, dệt vải, dệt thổ cẩm, thêu trang phục, nghề chế tác đồ trang sức và ý thức duy trì các nghề truyền thống. Người Hoa có hát sơn ca, trang phục truyền thống dành cho đám cưới... đây là những đặc trưng biểu hiện sự đa dạng các biểu đạt về văn hóa tạo nên bản sắc riêng và sức sống của mỗi cộng đồng.

5.2. Đề xuất với địa bàn nghiên cứu huyện Xín Mần.

Các nhà quản lý ở cấp huyện và cấp xã nên có những hướng dẫn cụ thể nhằm giảm thiểu một cách tối đa những hạn chế của những tồn tại trong một số thực hành văn hóa có thể đưa lại những bất cập cho người dân. Xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng cư dân thông qua công tác đa dạng hóa về tuyên truyền sao cho ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với cách nghĩ, cách làm của người dân. Thông qua phóng sự về các mô hình tiêu biểu, kịch bản sân khấu hóa, tuyên truyền lưu động, phát triển hệ thống loa tuyên truyền trên các nhóm Zalo, mạng xã hội để đồng bào cư dân được biết thực hiện. Đưa các nội dung cần cải tạo, những tồn tại hạn chế trong phong tục, tập quán vào quy ước, hương ước của thôn/tổ dân phố và quy chế hoạt động của Hội nghệ nhân dân gian để triển khai thực hiện. Mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ nghệ nhân dân gian (thầy mo, thầy cúng, thầy bói), già làng trưởng bản, người có uy tín, trưởng dòng họ về các nội dung cần được bảo tồn và phát huy, những nội dung cần phải giảm trừ không thực hiện. Quy hoạch nghĩa trang của xã, thôn và của dòng họ vào

những khu vực có địa hình thuận lợi để an táng tập trung. Cần thành lập Ban tổ chức tang lễ của thôn để đứng ra tổ chức việc tang ở cơ sở và góp phần tuyên truyền, vận động nhân dân dần dần không thực hành các phong tục, tập quán có yếu tố tiêu cực.

6. Kết luận

Đa dạng văn hóa là đặc trưng của xã hội loài người, là quyền và là điều kiện sinh tồn của con người. Môi trường cho sự phát triển bền vững của mỗi một quốc gia và dân tộc phụ thuộc rất lớn vào sự đa dạng văn hóa và các biểu đạt về văn hóa. Hiến pháp, hệ thống các văn kiện của Đảng và Quốc hội nhấn mạnh sự bình đẳng, tương trợ và chống kì thị trên tinh thần tôn trọng đa dạng văn hóa của mỗi tộc người. Những thực hành văn hóa được nghiên cứu này nêu ra trong bối cảnh cộng cư, hội nhập xã hội và sự thống nhất trong chính sách quản lý của Nhà nước bao gồm từ đất đai, nông nghiệp, khai thác tài nguyên, phát triển cơ sở hạ tầng đến luật hôn nhân và gia đình... Hiện tại, một số các dự án và chính sách khi áp dụng tại vùng miền núi đã tiếp cận quan điểm tương đối văn hóa, thừa nhận sự đa dạng văn hóa, không bị qui chiếu bởi giá trị quy chuẩn của tộc người đa số, nhận thức và phát huy thế mạnh của tri thức địa phương trong phát triển tộc người và tri thức địa phương trong quản lý cộng đồng. Mặc dù vậy, các thực hành văn hóa được khám phá trong nghiên cứu này chỉ ra những hạn chế, bất cập tồn tại lâu đời và mang tính bản sắc văn hóa trong các phong tục, tập quán, được người dân giữ lại và thực hành. Tuy nhiên, việc duy trì chúng trong bối cảnh hiện nay sẽ đối diện với nhiều thách thức mà rất cần các nhà nghiên cứu, các nhà quản lý phát hiện và đưa ra các giải pháp hữu hiệu để giảm thiểu một cách tốt nhất nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội, văn hóa của các tộc người thiểu số ở vùng biên cương Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo

- Clifford, J., & Marcus, G. (1986). *Writing Culture: The Poetics and Politics of Ethnography*. Berkeley and Los Angeles: University of California Press.
- Cục Thống kê Hà Giang, Chi cục Thống kê huyện Xín Mần. (2022). *Niên giám Thống kê năm 2021*. Đảng bộ huyện Xín Mần. (2022). *Lịch sử Đảng bộ huyện Xín Mần*.
- Gaurav Chiplunkar, Jeffrey Weaver. (2023). Marriage markets and the rise of dowry in India. *Journal of Development Economics*. Volume 164.
- Gourou P. (2015). *Người nông dân Châu thổ Bắc Kỳ - Nghiên cứu địa lý nhân văn*. (Nguyễn Khắc Dạm, Đào Hùng, Nguyễn Hoàng Oanh dịch). Nxb. Trẻ.
- James D. Proctor. (2005). *Science, Religion, and the Human Experience*. Oxford University Press.
- Joan Lucariello. (1995). *Mind, Culture, Person: Elements in a Cultural Psychology*. *Human Development Journal*.
- Kalpna Khanal, Ruchira. (2020). Chapter An institutional analysis of the dowry system in South Asia in book *The Gift in the Economy and Society*. Routledge.
- Keith Thomas. (1975). *An Anthropology of Religion and Magic*. The Journal of Interdisciplinary History. The MIT Press.
- Mohd Uma. (1998). *Bride Burning in India: A Socio Legal Study*. S.B. Nagia, New Delhi.
- Nguyễn Thị Lệ Hà. (2016). Sự thay đổi về phong tục tập quán ở làng xã Bắc Kỳ thời Pháp thuộc. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*. số 6 (115).
- Nguyễn Văn Huyền. (1996). *Góp phần tìm hiểu văn hóa Việt Nam*. t.2. Nxb. Khoa học xã hội.
- Peter F.Beyer. (1990). *Theory, Culture & Society*. SAGE London, Newbury Park and New delhi). Vol 7.
- Skinner, B. F. (1992). Superstition in the pigeon. *Journal of Experimental Psychology: General*. Vol 121(3).
- Susan Greenwood. (2020). *The Anthropology of Magic*. Routledge.